

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2022/ DSST

Ngày: 20/5/2022

“ *Tranh chấp dân sự yêu cầu
chia thừa kế tài sản* ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huệ

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Tấn Đề

**** Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Cao Vũ Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:***
Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp dân sự yêu cầu chia thừa kế tài sản*” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐST-DS ngày 08/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2022 ngày 29/4/2022 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tô Văn N, sinh năm 1962 (*có mặt*)

Bà Huỳnh Thị Á, sinh năm 1962 (*có mặt*)

Anh Đặng Quốc K, sinh năm 2003 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp Kinh Năm, xã Vân Khánh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn S, sinh năm 1978 (*vắng mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phan Văn R, sinh năm 1990 (*vắng mặt*)

- Bà Trần Thị S, sinh năm 1991 (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp Kinh Năm, xã Vân Khánh, huyện An Minh- Kiên Giang.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 28/12/2021 và quá trình tố tụng ông Tô Văn N và bà Huỳnh Thị Á trình bày và yêu cầu như sau:

Con ông bà là Tô Cẩm H, lớn lên do bệnh tật nên năm 1999 ông bà có cho diện tích đất 12.226m² được UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó Cẩm H lấy Đặng Văn S thì H và S sử dụng diện tích đất trên đến năm 2013 thì Cẩm H chết, ông S trực tiếp sử dụng đất mà không nuôi Quốc K là con chung của S và H, ông N và bà Á phải nuôi K, ông S không đưa tiền cho ông bà nuôi K, đến năm 2019 thì ông S không sử dụng đất mà cho ông Đ thuê diện tích đất nên ông bà làm đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế diện tích đất là di sản của chị H chết để lại. Ngày 22/9/2020 Tòa án nhân dân huyện An Minh giải quyết, quyết định chia thừa kế phần đất nêu trên, ông S không đồng ý kháng cáo bản án Tòa án huyện An Minh, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phúc thẩm lại. Ngày 03/6/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm bản án số: 98//2021/ ngày 03/6/2021 về việc phân chia tài sản là quyền sử dụng đất của chị Tô Cẩm H chết để lại làm 04 phần. Phần tiền cho thuê đất trên từ năm 2019 đến năm 2020 Đặng Văn S cho thuê chưa chia.

Nay yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Minh giải quyết, buộc Đặng Văn S phải chia số tiền cho thuê đất từ năm 2019 đến 2021 là 03 năm, số tiền 60.000.000đ cho 04 phần, mỗi phần 15.000.000đ, hiện nay Sang đang quản lý.

** Trong biên bản hòa giải ngày 15/02/2022 bị đơn ông Đặng Văn S có ý kiến trình bày.*

Về nội dung trình bày của bà Huỳnh Thị Á, ông Tô Văn N, Đặng Quốc K là đúng. Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử Quyết định chia diện tích đất của vợ ông là Tô Cẩm H cho 04 phần (N, Á, K, S). Diện tích đất trên ông cho thuê từ năm 2019 cho đến nay. Số tiền cho thuê đất từ năm 2019 đến năm 2022 là 55.000.000đ anh đã nhận đủ nhưng đã tiêu sài hết, không đồng ý chia theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Tô Văn N, bà Huỳnh Thị Á rút lại toàn bộ khởi kiện yêu cầu đòi ông S chia tiền mỗi người là 15.000.000đ x 02, bằng 30.000.000đ tiền cho thuê đất năm 2019 đến năm 2021.

Anh Đặng Quốc K rút lại một phần yêu cầu đòi số tiền ông Đặng Văn S giao 15.000.000đ, chỉ yêu cầu ông S giao lại lại $\frac{3}{4}$ số tiền cho thuê đất từ tháng

6/2021 đến tháng 6/2022 là 11.250.000đ trong số tiền cho thuê đất là 15.000.000đ mà ông S đã nhận, tương ứng $\frac{3}{4}$ của số đất được hưởng di sản thừa kế theo bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu: Trong quá trình tố tụng cũng nh- tại phiên tòa cơ bản Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự thủ tục và thời theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đương sự thì những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định.

Tại phiên tòa ông Tô Văn N, bà Huỳnh Thị Á rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế là tiền cho thuê đất, cho mỗi người (N, Á) là 15.000.000đ. Bị đơn không khởi kiện phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập, xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của ông N, bà Á là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 217, 218, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị HĐXX chấp nhận đình chỉ xét xử phần yêu cầu đương sự rút đơn.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì xác định: Chị Tô Cẩm H là con của ông N và bà Á, mẹ của cháu Kt, năm 1999 bà Á và ông N có cho chị Tô Cẩm H diện tích đất 12.226,1m² và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc cho đất chị H chưa lấy ông Đặng Văn S làm chồng, sau đó ông S và Cẩm H lấy nhau về trực tiếp sử dụng diện tích đất trên đến năm 2013 chị H chết, ông S trực tiếp quản lý sử dụng đến năm 2019 thì ông S cho ông Lê Văn Đ thuê phần đất nêu trên một năm 20.000.000đ, năm 2020 ông Đ trả lại, ông S cho anh Phan Văn R và chị Trần Thị S thuê sử dụng, giá cho thuê 20.000.000đ năm 2021, năm 2022 là 15.000.000đ. 03 năm cho thuê đất ông S nhận tiền, không chia cho bà Ánh, ông N và cháu K nên phát sinh tranh chấp.

Năm 2020 bà Huỳnh Thị Á, ông Tô Văn N, cháu Đặng Quốc K, khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất là di sản của chị Cẩm H chết để lại, ông Đặng Văn S đang quản lý sử dụng, ngày 22/9/2020 Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử, ông S kháng cáo, tháng 6/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm và quyết định phân chia di sản thừa kế diện tích đất nêu trên làm 04 phần và đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà Á, ông N giao cho kỹ phần mà ông bà được hưởng cho cháu K, Như vậy phần đất mà cháu K được hưởng theo bản án phúc thẩm là $\frac{3}{4}$, bằng 9.169,5 m² trong diện tích đất 12.226,1m², số tiền

cho thuê đất từ tháng 06/2021 đến tháng 6/2022 là 11.250.000đ, trong số tiền 15.000.000đ nay cháu K yêu cầu được chia, số tiền cho thuê đất từ tháng 6/2021 trở về trước không yêu cầu, thấy rằng: phần tiền thu được phát sinh từ diện tích đất là di sản thừa kế của chị Tô Cẩm H chết để lại, ông S và bà Á, ông N, cháu K là hàng thừa kế của chị Cẩm H nên đều được hưởng, tuy nhiên ông N, bà Á đã nhường kỹ phần được hưởng lại cho cháu K nên cháu K được sở hữu $\frac{3}{4}$ trên số tiền 15.000.000đ. số tiền hiện nay ông S đang quản lý đề nghị HĐXX buộc ông S có trách nhiệm giao lại cho cháu K 11.250.000đ là phù hợp quy định tại các Điều 612, Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Xét về tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho anh Phan Văn R, chị Trần Thị S, ông Lê Văn Đ, biết và quy định thời gian để các ông, bà có ý kiến về việc bà Á, ông N, anh K khởi kiện “*Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế tiền cho thuê đất*”. Nh- ng đã hết thời hạn quy định không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Tô Văn N, bà Huỳnh Thị Á, anh Đặng Quốc K khởi kiện anh R, chị S, ông Đ, trong quá trình tố tụng nguyên đơn rút lại khởi kiện đối với ông Đ, anh R, chị S lý do hiện nay ông S đã nhận tiền thuê đất xong nên ông, bà và anh K rút yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Ông N, bà Á rút lại yêu cầu khởi kiện chia tiền cho thuê đất đối với ông Đặng Văn S, xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của ông N, bà Á, anh K là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 70, Điều 217, 218, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên HĐXX đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh K đối với ông Đặng Văn S buộc giao tiền cho thuê đất từ tháng 6/2021 đến tháng 6/2022 là di sản thừa kế của chị Tô Cẩm H chết để lại chưa chia, tuy nhiên tính thời xét xử thì số tháng cho thuê chưa đủ một năm nhưng tiền cho thuê đất thì thông thường ở địa phương thanh toán đầu năm việc này ông S thừa nhận nên yêu cầu khởi kiện của anh K có cơ sở xem xét bởi vì tiền cho thuê đất cũng là tài sản thu lợi trên đất mà mẹ anh K là chị Cẩm H chết để lại, thời điểm yêu cầu chia tiền trên cơ sở Bản án phúc thẩm số: 98/2021 ngày 03/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thì Đặng Quốc K được chia là $\frac{3}{4}$ trong diện tích đất 12.226,1m², nên số tiền thu lợi có trên đất tương đương phần

đất được chia, số tiền này hiện nay ông S xác định đã nhận của những người thuê đất nên HĐXX xét thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Quốc K. Chia cho anh K $\frac{3}{4}$ (phần bà Á, ông N nhường lại cho anh K) số tiền là 11.250.000đ trong số tiền cho thuê đất 15.000.000đ; chia cho ông Đặng Văn S $\frac{1}{4}$, số tiền là 3.750.000đ, trong số tiền cho thuê đất là 15.000.000đ là phù hợp quy định các Điều 612, Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự.

Đối với diện tích đất mà chị H để lại đã xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật, không xem xét.

Về án phí: Ông Đặng Văn S và anh Đặng Quốc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 612, Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. Chia di sản của chị Tô Cẩm H là tiền cho thuê diện tích đất 12.226m² của năm 2021-2022, là 15.000.000đ. Chia cho anh Đặng Quốc K $\frac{3}{4}$, số tiền là 11.250.000đ (*Mười một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*), chia cho ông Đặng Văn S $\frac{1}{4}$, trong số tiền 15.000.000đ là 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

[2] Buộc ông Đặng Văn S có nghĩa vụ giao lại cho anh Đặng Quốc K 11.250.000đ (*Mười một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành án không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi đối với người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chưa thi hành án.

[3]. Về án phí: Buộc ông Đặng Văn Sang phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đặng Quốc K phải chịu 562.500đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 375.000đ tiền mà anh K tạm nộp 0005240 ngày 13/01/2022 tại chi cục thi

hành án dân sự huyện An Minh, anh K còn phải tiếp tục nộp 187.000đ tiền tạm ứng án phí.

[4]. Đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn N và bà Huỳnh Thị Á.

Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ xét xử:

Hoàn trả lại số tiền 375.000đ tiền mà ông Tô Văn N, nộp theo biên lai số 000541 ngày 13/01/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

Hoàn trả lại số tiền 375.000đ mà bà Huỳnh Thị Á tạm nộp theo biên lai số 0005242 ngày 13/01/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

[5]. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm (ngày 20/5/2022), đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản chính của bản án này tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- CC THADS huyện;
- Lưu HS, VP;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Mỹ Huê